

# BIẾN TẦN HYBRID 3 PHA - 15 ~ 20kW

## HI - 15 ~ 20K - TL

### ◆ TÍNH NĂNG



Màn hình LCD cảm ứng đa sắc, Chỉ số bảo vệ IP65



AC Coupling cho việc nâng cấp hệ thống năng lượng mặt trời hiện có



Hỗ trợ lưu trữ năng lượng từ máy phát điện diesel



Dòng sạc/xả tối đa 135A



6 Thời gian sạc/xả pin linh hoạt



Tối đa 16 thiết bị song song cho cả vận hành hòa lưới và độc lập



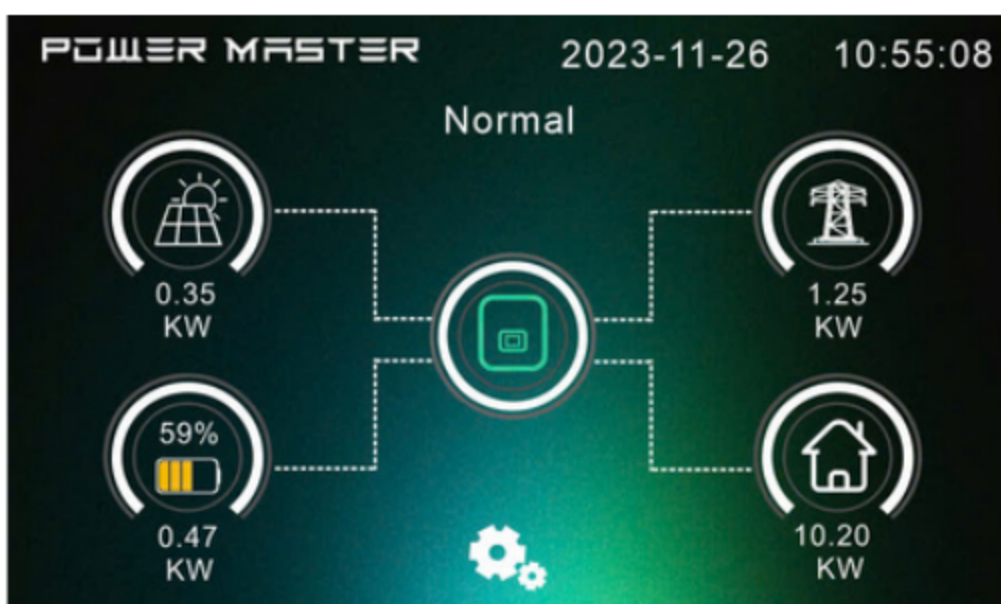
### ◆ CHỨNG NHẬN



### ◆ CÁC CỔNG KẾT NỐI



### ◆ BIỂU TƯỢNG MÀN HÌNH LCD



### ◆ CẤU TRÚC HỆ THỐNG CƠ BẢN



# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Mục                                      | HI-15K-TL                     | HI-20K-TL |
|--|-------------------------------|-----------|
| <b>Dữ liệu Đầu vào DC (PV)</b>           |                               |           |
| Công suất đầu vào DC tối đa              | 23kW                          | 30kW      |
| Điện áp đầu vào danh định                | 600V                          |           |
| Điện áp DC tối đa                        | 1000V                         |           |
| Dải điện áp MPPT                         | 180V ~ 850V                   |           |
| Số lượng MPPT / Số chuỗi trên mỗi MPPT   | 2 / 2                         |           |
| Dòng điện MPPT tối đa                    | 36A / 36A                     |           |
| Điện áp khởi động                        | 200V                          |           |
| <b>Dữ liệu Đầu ra AC (Kết nối Lưới)</b>  |                               |           |
| Công suất đầu ra danh định               | 15kW                          | 20kW      |
| Công suất biểu kiến đầu ra danh định     | 17.5kVA                       | 22kVA     |
| Điện áp đầu ra danh định                 | 400V ± 20%                    |           |
| Tần số lưới danh định                    | 50Hz / 60Hz                   |           |
| Dòng điện đầu ra tối đa                  | 25A                           | 33A       |
| Công suất phản kháng                     | -0.8 ~ +0.8 (Điều chỉnh được) |           |
| THDi                                     | <3% (Công suất Danh định)     |           |
| Kiểu kết nối lưới                        | 3L+N+PE                       |           |
| Công suất biểu kiến tối đa từ lưới       | 30kVA                         | 40kVA     |
| Dòng điện AC tối đa từ lưới              | 48A                           | 64A       |
| <b>Dữ liệu Đầu ra Dự phòng (UPS)</b>     |                               |           |
| Công suất biểu kiến đầu ra danh định     | 16.5kVA                       | 22kVA     |
| Công suất đầu ra danh định               | 15kW                          | 20kW      |
| Điện áp đầu ra danh định                 | 400V ± 20%                    |           |
| Tần số đầu ra danh định                  | 50Hz / 60Hz                   |           |
| Dạng sóng đầu ra                         | Sóng sin thuần                |           |
| Điện áp ra                               | <10ms                         |           |
| Chuyển mạch tự động                      | <10ms                         |           |
| <b>Dữ liệu Đầu vào Pin</b>               |                               |           |
| Loại pin                                 | Li-ion / Lead-acid            |           |
| Dải điện áp pin                          | 40V ~ 60V                     |           |
| Dòng điện sạc / xả tối đa cho pin Li-ion | 300A                          | 350A      |
| Chiến lược sạc cho pin Li-ion            | Tự điều chỉnh theo BMS        |           |
| Chiến lược sạc cho pin Axit-chì          | Ba giai đoạn                  |           |
| <b>Hiệu suất</b>                         |                               |           |
| Hiệu suất tối đa                         | 0,98                          |           |
| Hiệu suất Châu Âu                        | 97.5%                         |           |
| Hiệu suất tối đa khi sử dụng pin         | 94.5%                         |           |